

Số: 3755/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng hộ kinh doanh cá thể phải tạm ngừng kinh doanh; người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm; người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở Văn bản số 5406/UBND-KGVX ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 13585/TTr-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 324/TTr-LĐTBXH ngày 09 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng hộ kinh doanh cá thể phải tạm ngừng kinh doanh; người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc; người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn thành phố Biên Hòa, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ đối tượng hộ kinh doanh cá thể phải tạm ngừng kinh doanh do dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thành phố Biên Hòa (bổ sung) gồm 02 hộ kinh doanh với số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng chẵn).

2. Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn thành phố Biên Hòa (bổ sung) gồm 01 người lao động với số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng chẵn).

3. Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm trên địa bàn thành phố Biên Hòa (bổ sung) gồm 185 người lao động với số tiền là 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng chẵn).

4. Nguồn kinh phí hỗ trợ được sử dụng từ nguồn ngân sách thành phố Biên Hòa (50% dự phòng ngân sách thành phố năm 2020 và nguồn cải cách tiền lương còn dư ngân sách thành phố).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hợp đồng với Bưu điện cùng cấp chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hòa Hiệp

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC NHƯNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HƯỞNG TRỢ CẤP THẬT NGHIỆP DO ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA (Bổ sung)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3755 /QĐ-UBND ngày 31/10 /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	CMND	Địa chỉ (ghi rõ thường trú hay tạm trú)	Tên DN làm việc trước khi chấm dứt HDLD, HDLV	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD, HDLV	Thời điểm bắt đầu chấm dứt thực hiện HDLD, HDLV	Thu nhập hiện tại (ĐVT triệu đồng)	Số sổ bảo hiểm	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(15)
1	Trần Thị Kim Nga	09/05/1983	271519403	Tổ 7, Kp5, P. Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	Cty TNHH MTV TM-SX Lặc Long (KCN Long Hậu, Cần Giuộc, tỉnh Long An)		01/4/2020	1.000.000	027283878	1.000.000		
Tổng cộng: 01 người												

Số tiền bằng chữ: Một triệu đồng chẵn

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hòa Hiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ HỘ KINH DOANH CÁ THỂ CÓ MỨC DOANH THU DƯỚI 100 TRIỆU TẠM NGỪNG KINH DOANH
TỪ NGÀY 01/4/2020 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA (BỎ SUNG)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên Hộ kinh doanh	Ngành, nghề KD	Địa điểm kinh doanh	Vốn	MST	Tên chủ hộ	CMND	Địa chỉ thường trú/ tạm trú	Thời điểm ngừng kinh doanh	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên
1	Kang Nam PMU	Chăm sóc da	98 Nguyễn Hoàng, Kp Long Đức 1	10.000.000	36036796944	Phan Xuân Chính	272985102	128/7 KP2 Phan Đình Phùng	01/04/2020	1.000.000	
2	Phan Viết Thịnh	Trò chơi thiếu nhi	Khu 92, Long Đức 1	400.000.000	8538852599	Phan Viết Thịnh	272921049	Khu 99, Long Đức 1	01/04/2020	1.000.000	
	Tổng cộng: 02 hộ									2.000.000	

Tổng kinh phí hỗ trợ: 2.000.000 đồng
(Bằng chữ: Hai triệu đồng chẵn)



Nguyễn Hòa Hiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG BỊ MẤT VIỆC
DO ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA (BỘ SƯNG)
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 375/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (BVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (BVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Giữ chủ
1	2	3	4	5	6	7	8	9.0	10	11	12

1. PHƯƠNG TRĂNG DÀI

1	Đặng Thị Thủy Trang	31/7/1997	272583435	tổ 21, KP4	Bán hàng rong (xôi)	công Trường Hà Huy Giáp	01/4/2020	1.900.000	1.000.000		
2	Trần Thị Hồng Phương	10/04/1989	271980209	tổ 02 - KP5	Bán hàng rong (bánh cuốn)	KP5 Trảng dài	01/4/2020	1.300.000	1.000.000		
3	Hoàng Thị Hải	20/08/1978	38178007184	tổ 27 - KP4A	nhặt ve chai	P. Trảng Dài	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
4	Hoàng Thị Tâm	07/10/1971	25339413	tổ 22 B - KP2	Bán hàng rong (bánh cuốn dạo)	P. Trảng Dài	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
5	Nguyễn Trung Tinh	21/8/1973	182154435	tổ 27-KP3a	lượm ve chai	tỉnh Bình Dương	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
6	Phạm Văn Tân	1981	276032341	tổ 1 KP5A	Chạy xe ôm	Cầu sân màu	01/4/2020	1.900.000	1.000.000		
7	Bùi Thị Liên	23/01/1980	271586998	tổ 21 KP5A	Bán hàng rong (bánh cuốn dạo)	P. Trảng Dài	01/4/2020	1.300.000	1.000.000		
8	Nguyễn Thị Nhung	05/04/1959	285609853	KP5A	Bán hàng rong (bánh cam)	P. Trảng Dài	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
9	Nguyễn Việt Dũng	12/08/1956	270129073	tổ 10 - KP5A	Bán hàng rong (bánh cuốn dạo)	P. Trảng Dài	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
10	Nguyễn thị Cung	20/4/1953	272760311	tổ 10 KP5A	nhặt ve chai	P. Trảng Dài	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
11	Lê Thị Mỹ	02/08/1954	101212343	tổ 10 KP5A	nhặt ve chai	P. Trảng Dài	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
12	Lưu Văn Tuy	1948	272386954	tổ 1 KP5A	di lượm ve chai	P. Trảng Dài	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
13	Nguyễn Thị Liên	13/8/1984	151420090	tổ 1 KP5A	bán hàng dạo (bắp luộc)	P. Trảng Dài	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		

2. PHƯƠNG THÔNG NHẤT

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chi chủ
14	Nguyễn Thị Thu Anh	27/6/1966	270688489	12/12 KP 3	rửa chén	nhà hàng Sayaka Vincom	01/4/2020	0	1.000.000		
15	Lý Thị Thu Hương	01/01/1972	334117721	TT 258/11KP 2	bán hàng rong	Ngã tư Lạc cường	01/4/2020	0	1.000.000		
16	Lê Thanh Châu	05/04/1960	270092162	4/8 KP 5	xe ôm	bệnh viện tâm thần	01/4/2020	0	1.000.000		
3. PHƯỜNG BÌNH ĐÀ											
17	Lê Thị Ngọt	10/11/1984	276089466	218 tổ 12 kp2	phụ bán bánh cuốn	Gốc cây đa, Bình Đa	01/4/2020	0	1.000.000		
18	Võ Kỳ Phi	22/8/1968	271448448	397/44 kp2	phụ bếp	com niêu Việt Nam, Bình Đa	01/4/2020	0	1.000.000		
19	Nguyễn Văn Phương	10/8/1970	02507000330	5/1 TT7A2 KP2	phụ bán bún		01/4/2020	0	1.000.000		
4. PHƯỜNG LONG BÌNH											
20	Phan Văn Xoan	12/02/1960	272345783	KP5, phường Long Bình	Chạy xe bánh chở khách	Địa bàn p. Long Bình	01/4/2020	0	1.000.000		
21	Lưu Thị Lan	10/11/1954	272193448	KP5, phường Long Bình	Thu gom ve chai	Địa bàn p. Long Bình	01/4/2020	0	1.000.000		
22	Lê Thị Phương	16/8/1984	187734624	KP5, phường Long Bình	Thu gom ve chai	Địa bàn p. Long Bình	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
23	Nguyễn Thị Bích	20/10/1973	211916211	KP5, phường Long Bình	Bán hủ tiếu gõ dạo	Địa bàn p. Long Bình	01/4/2020	0	1.000.000		
5. PHƯỜNG BỬU HÒA											
24	Phan Bà Thịnh	1991	191688215	Tạm trú K4/217, Khu phố 5	Đầu bếp quán lẩu bò 269	KP5, Bửu Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
25	Trần Hữu Hiếu	1987	271940488	K1/80, Khu phố 1	Phục vụ quán lẩu bò 269	KP5, Bửu Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
26	Nguyễn Thị Huệ	1948	270157144	K1/43, Khu phố 4	Phục vụ quán lẩu bò 269	KP5, Bửu Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
27	Nguyễn Văn Trọng	1964	271142779	K4/11A, Khu phố 5	Phục vụ quán bò kho chợ Thanh	KP5, Bửu Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
28	Nguyễn Thị Kim Ngân	2000	272765413	K2/307B, Khu phố 1	Phụ quán mì hủ tiếu cô Chín	KP2, Bửu Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
29	Nguyễn Huỳnh Thảo Nguyễn	1987	272835714	K2/304, Khu phố 1	Phụ quán mì hủ tiếu cô Chín	KP2, Bửu Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chú
30	Lê Thị Thanh Triều	1948	272298625	K1/14B, Khu phố 3	Phụ quán cháo trắng	KP2, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
31	Nguyễn Xuân Hà	1975	271745938	K3/6C, Khu phố 1	Phụ quán cháo lòng trước Trạm y tế phường	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
32	Nguyễn Thị Bích Liên	1970	270995122	K2/19B, Khu phố 1	Phụ quán cơm trước Trạm y tế phường	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
33	Lâm Hải Đăng	1983	271517986	K4/112D, Khu phố 2	Phụ quán bún thịt nướng Tiên Thảo	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
34	Trình Ngọc Lê	1973	271792954	K2/240A, Khu phố 1	Phụ quán cơm chủ Hùng	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
35	Nguyễn Hoàng Liên	1993	272349372	K2/240A, Khu phố 1	Phụ quán cơm chủ Hùng	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
36	Hoàng Thị Kim Phương	1969	271415978	K2/245B, Khu phố 1	Phụ quán cơm chủ Hùng	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
37	Võ Thị Thu Thảo	1965	270666498	K4/12, Khu phố 4	Phụ quán cơm chủ Trang	KP4, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
38	Lê Thị Thanh	1961	270148353	K4/28, Khu phố 4	Bán hàng rong. Rau cải các loại	KP2, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
39	Trần Thị Huỳnh Trang	1978	271364819	K1/8A, Khu phố 2	Phụ quán phở chị Hoàng	KP2, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
40	Thái Tổng Mỹ Linh	1983	272895151	K1/91, Khu phố 4	Bán hàng rong. Bình chui và khoai các loại	Chợ PơUChen, Hòa An	01/4/2020	0	1.000.000		
41	Hà Ngọc Mỹ	1960	70056285	K1/225, Khu phố 2	Phụ quán bún từ bà Sáu	KP2, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
42	Phạm Kiều Phú	1966	270666681	K1/22, Khu phố 4	Lái xe mô tô hai bánh chở khách	KP4, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
43	Phạm Khắc Sơn	1974	271248470	K3/240C, Khu phố 1	Phụ quán cơm ông Sáu Cúc	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
44	Nguyễn Thị Công	1959	270150950	557/9/2A, Khu phố 4	Phụ quán bún từ chị Hương	KP4, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
45	Huỳnh Thị Ngọc Thảo	1982	271557214	K1/46, Khu phố 2	Phụ quán cơm chị Sương	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
46	Nguyễn Thị Ngọc Hương	1965	270709437	K1/33D, Khu phố 2	Phụ quán cà phê Ngọc Anh	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
47	Nguyễn Thanh Thùy	1957	270163081	K2/53, Khu phố 1	Phụ quán cà phê Quỳnh Mai	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
48	Trần Thu Tuyết	2000	272799403	K2/148, Khu phố 1	Phụ quán mì, bún từ bà Phương	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chú
49	Nguyễn Thị Thuần	1979	271788964	K4/68E, Khu phố 2	Bán hàng rong: quần áo may sẵn các loại	KP 2, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
50	Nguyễn Kim Hương	1971	271490224	K2/63B, Khu phố 1	Phụ quán cà phê cổ Hải	KP1, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
51	Huỳnh Thị Hương	1963	270157941	K2/253, Khu phố 1	Phụ quán phở 39	KP1, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
52	Đinh Thị Kim Mới	1987	371109728	Tạm trú K4/16, Khu phố 5	Phụ quán cơm tấm Su Su	KP5, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
53	Nguyễn Ngọc Diệp	1989	271919502	K4/63A, Khu phố 5	Bán hàng rong: Cà phê, sữa đậu nành	Trước cổng trường học Trần Văn Ôn	01/4/2020	0	1.000.000		
54	Phạm Văn Nam	1968	272239869	K2/53E, Khu phố 3	Phụ quán cà phê Napoli	KP1, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
55	Trần Thị Lộc	1954	270056769	K4/112D, +E40/J47Khu phố 2	Phụ quán bún thịt nướng	KP1, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
56	Nguyễn Thị Thủy Trang	1971	270940788	K1/87C, Khu phố 2	Phụ quán cà phê bà Tư	KP2, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
57	Trần Thị Mỹ Liên	1983	272489952	K1/79A, Khu phố 2	Phụ quán cơm của chị Giàu	KP5, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
58	Huỳnh Thị Hiền	1972	270892739	K3/123, Khu phố 5	Phụ quán cơm của chị Giàu	KP5, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
59	Tăng Uy Tín	1970	270858904	K4/56, Khu phố 5	Phụ quán cà phê bà Thường	KP5, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
60	Nguyễn Văn Kim	1956	270135106	K4/173, Khu phố 2	Phụ quán cà phê chị Hương	KP1, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
61	Trương Minh Hồng	1958	270666600	K3/123E, Khu phố 5	Phụ quán cơm của chị Giàu	KP5, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
62	Võ Thị Thu Hà	1986	271737358	K4/111, Khu phố 5	Phụ quán cà phê Anh Thảo	KP5, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
63	Trần Thị Kim Ngọc	1958	270118015	K3/53A, Khu phố 5	Phụ quán cà phê của chị Văn ở khu phố 5	KP5, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
64	Lê Hoàng Huy	2001	272843551	K3/152, Khu phố 5	Phụ quán cà phê bà Loan	KP5, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
65	Nguyễn Thị Hòa	1964	270274682	K3/152A, Khu phố 5	Phụ quán cà phê bà Loan	KP5, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
66	Nguyễn Văn Sự	1978	272337642	K2/301B, Khu phố 1	Bán hàng rong: Dưa tươi	KP2, Bù Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
67	Nguyễn Thị Mỹ Châu	1973	271076075	K3/119, Khu phố 5	Bán hàng rong: Chuối hấp	Trước cổng trường học Trần Văn Ôn	01/4/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (BVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (BVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chị chú
68	Trần Đình Quang	1991	272139894	K4/226, Khu phố 5	Bán hàng rong: Bông bông	KP5, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
69	Huỳnh Thị Ngọc Chi	1971	271043159	K4/61A, Khu phố 5	Phụ quán hủ tầu, mì anh Bào	KP5, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
70	Huỳnh Thế Phong	1978	271290750	K4/62B, Khu phố 5	Phụ quán cà phê của anh Voi	KP5, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
71	Võ Thị Mỹ Hạnh	1971	271043156	K4/113A, Khu phố 5	Phụ quán hủ tầu, mì anh Tuấn	KP5, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
72	Nguyễn Thị Hồng Vân	1983	272735206	K3/36B, Khu phố 3	Phụ quán trà sữa Bina	KP2, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
73	Nguyễn Thị Giải	1960	270148636	K1/80B, Khu phố 2	Phụ quán cơm của chị Giàu	KP5, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
74	Nguyễn Thị Ngọc	1976	271248300	K4/224B, Khu phố 5	Phụ quán cà phê của anh Khương	KP5, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
75	Lương Thị Tâm	1953	270163829	K1/30, Khu phố 3	Phụ quán chè Linh Linh	KP2, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
76	Trương Thị Linh	1978	272500736	Tổ 67, Khu phố 3	Bán hàng rong: Bán chuối chiên	KP2, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
77	Trương Thị Mai Lợi	1985	311832203	Tổ 67, Khu phố 3	Bán hàng rong: Bán chuối chiên	KP4, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
78	Đỗ Thị Phương	1968	270948084	K4/127D, Khu phố 2	Phụ quán hủ tầu, mì chị Tâm	KP2, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
79	Trần Thị Ngọc	1970	270858962	K4/287, Khu phố 2	Phụ quán cà phê của bà Chúc	KP2, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
80	Nguyễn Tấn Tú	1988	272119431	K3/276B, Khu phố 1	Phụ quán lẩu cá Cầu Ghềnh	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
81	Lê Trung Trục	1967	272358238	K1/85A, Khu phố 2	Phụ quán bún riêu của chị Phương	KP2, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
82	Trần Thị Lành	1950	270047338	K4/101E, Khu phố 2	Phụ quán cơm chay của cô Lệ	KP2, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
83	Ngô Kim Mỹ	1958	270150933	K1/119, Khu phố 4	Phụ quán cơm tấm của chị Thảo	KP2, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
84	Trần Minh Quang	1960	270056854	K2/319, Khu phố 1	Phụ quán trà sữa của chị Nguyệt	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
85	Trần Thị Ngọc Diệp	1984	271705094	K2/319, Khu phố 1	Phụ quán nước giải khát rau má của chị Ngọc Anh	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
86	Nguyễn Thị Thêm	1952	270163217	K4/32, Khu phố 3	Phụ việc cơ sở nấu ăn Yến Nga	KP3, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
87	Lê Thị Ngọc Kiều	1963	270145772	K4/33, Khu phố 3	Phụ việc cơ sở nấu ăn Yên Nga	KP3, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
88	Trần Ngọc Oanh	1978	271391163	K4/34, Khu phố 3	Phụ việc cơ sở nấu ăn Yên Nga	KP3, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
89	Nguyễn Thụy Thanh Tâm	1982	271460252	Tạm trú K4/11, Khu phố 4	Bán hàng rong: Bán cà phê mang đi	KP4, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
90	Lê Thị Lệ Thu	1978	271293290	K4/39A, Khu phố 4	Phụ quán xe nước mía của ông Bảo	KP5, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
91	Phan Thị Minh Sương	1975	271290892	K3/179E, Khu phố 1	Phụ quán cà phê Sương Thủy	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
92	Trần Lê Phạm Nguyễn Ngọc Hưng	1970	270970658	K4/57, Khu phố 5	Phụ quán cà phê chị Hạnh	KP5, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
93	Lê Thị Ngọc Uyên Phương	1971	271059600	K3/178C, Khu phố 1	Phụ quán cơm tấm của chị Quyên	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
94	Nguyễn Hiếu Đạo	1975	271854463	K3/177D, Khu phố 5	Phụ quán bún riêu Minh Hương	KP5, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
95	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	1972	341245466	K3/76, Khu phố 3	Phụ quán cơm chị Tuyền	KP3, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
96	Lê Thị Thu Cúc	1973	271142613	K4/137B, Kp 5	Phục vụ quán lẩu bò Minh Tâm xã Tam Phước	xã Tam Phước	01/4/2020	0	1.000.000		
97	Lê Thị Ngọc Uyên Thy	1972	271059644	K3/178C, Khu phố 1	Phụ quán cơm tấm của chị Trang	KP1, Bùn Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		

6. PHƯỜNG QUANG VINH

98	Trần Thanh Phong	12/07/1975	271344560	59/61-kp1, Quang Vinh	Chạy xe ôm	trước	01/4/2020	0	1.000.000		
99	Lê Hiếu Toàn	01/12/1955	271802880	109/30/29-kp1	Chạy xe ôm	trước tiệm sấu lục Chợ BH	01/4/2020	0	1.000.000		
100	Phan Văn Phước	20/08/1960	351175760	109/30/29-kp1	Chạy xe ôm	Trước cổng Sở GTVT	01/4/2020	0	1.000.000		
101	Nguyễn Thị Bích Hải	25/02/1977	271320956	25/2B-KP3, Quang Vinh	lao công, giúp việc	Tự do	01/4/2020	0	1.000.000		
102	Phùng Khanh Đức	10/10/1967	271247482	77/4-PĐP-KP2	Bán nước đá giải khát dạo	trước cổng KDL Bùn Long	01/4/2020	0	1.000.000		

7. PHƯỜNG TÂN BIÊN

103	Ngô Thị Lệ	1960	371529371	tổ 8 kp2	bán kẹp tóc dạo	tại các chợ	01/4/2020	0	1.000.000		
-----	------------	------	-----------	----------	-----------------	-------------	-----------	---	-----------	--	--

1.2 / 02.2020 - 7.1

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (BVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (BVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
104	Phạm Thị Mỹ Ngọc	02/01/1980	271358487	16/G6 kp6	bán tôm, vó, khẩu trang via hê	Khu vực Đại lộ	01/4/2020	0	1.000.000		

8. PHƯƠNG QUYẾT THẮNG

105	Lê Ngọc Trí	1975	271145189	134/28 - KP1	Lái xe 2 bánh chở khách	P. Quyết Thắng	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
106	Trần Thị Bạch Nga	1971	270892033	75 - KP2	Bán bánh tướt đào	Khu vực - P Hiệp Hòa	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
107	Ông Kim Dung	1968	270711221	160/20/7	Đẩy xe bán bánh mì đào	Khu vực Trại mỏ cỏi	01/4/2020	1.300.000	1.000.000		
108	Phạm Thanh Quang	1967	270695732	36/6/2-KP4	Đẩy xe bán chè đào	Chợ Hòa An	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
109	Nguyễn Thị Mộng Đào	1980	272569214	36/23/16B-KP4	Đẩy xe bán chè đào	P. Quyết Thắng	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
110	Bùi Thị Hồng	1977	272678774	71 - KP1	đẩy xe bán nước giải khát	khu vực trường CD Mỹ thuật DN	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
111	Phạm Mạnh Cường	1959	270710866	98/34/2 -KP1	lái xe 2 bánh chở khách	p.Quyết Thắng	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
112	Nguyễn Thị Minh	1979	272172724	D7 cư xá Tỉnh ủy -KP1	Chuyên xới phòng	164 Phạm Văn Thuận	01/4/2020	1.300.000	1.000.000		
113	Ngô Hào	1954	270044169	95/20 -KP1	Phụ bán nước	khu vực công trường N.Du	01/4/2020	500.000	1.000.000		
114	Võ Thị Thu Dung	1972	271112642	103/14/6 -KP1	phụ rửa chén	Quán bún riêu 59 Biên Hùng	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
115	Đặng Thị Minh Lan	1964	270033041	107 HDV, kp1	phụ rửa chén	Quán Hancock p. Thông Nhứt	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
116	Nguyễn Thị Vàng	1964	270373636	103/15/8D, kp1	phụ rửa chén	quán ăn chợ đêm Biên Hùng	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
117	Trương Thị Tư	1945	272487875	1/4D kp1	bán nước giải khát	khu vực trường Lê Quý Đôn	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
118	Trương Thị Lộc	1971	310867356	Tam trú 1/4-KP1	Bán xôi cúc đào	Khu vực Trường Nguyễn Du	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
119	Đổng Văn Tiến	1955	270018166	46A/24 kp2	đẩy xe bán bánh mì	khu vực chợ Hàng đầu	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
120	Đoàn Thị Bông	1965	270671929	1/10/54 kp2	phụ rửa chén	bùn mần Tuyên Trung Cao	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
121	Bùi Thị Kim Liên	1970	270901512	35/11 kp2	phụ rửa chén	bùn mần Tuyên Trung Cao	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhân và ghi rõ họ tên	Chú chú
122	Nguyễn Trường Vũ	1974	778825506	1/21 kp2	Bốc vác	khv vực p. Quyết Thắng	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
123	Mã Thiên Hùng	1960	270018310	24/5 kp2	rửa chén	bùn bô Huệ Gia Hân	01/4/2020	1.300.000	1.000.000		
124	Lê Thanh Long	1957	270380681	19 HHG kp2	lái 2 bánh chở khách	khv vực chợ hàng dầu	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
125	Trần Văn Hà	1954	271145359	59/6 kp2	lái 2 bánh chở khách	khv vực trước kho xăng dầu	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
126	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	1966	270672084	46/1 kp2	rửa chén	Quán cơm Mai công sau Bonchen	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
127	Trần Thị Hiền	1971	270948466	1148A kp2	rửa chén	Quán phở Tuấn p. Thống Nhất	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		
128	Đỗ Hữu Phước	1960	272662456	1/23 kp2	bán nước ngọt	khv vực ngã 4 Vũng Tàu	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		
129	Nguyễn Văn Lực	1947	270018575	141 CMT8 kp2	rửa chén	Quán bánh canh cá kv cầu ghềnh	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
130	Bùi Ngọc Giang	1965	270672037	1/10/46 kp2	rửa chén	bùn mấm Tuyền Trung Cao	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
131	Nguyễn Lê Hiệp	1960	270858345	35/23 kp2	rửa chén	bùn mấm Tuyền Trung Cao	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
132	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	1968	270858316	1/1 CMT8 kp2	rửa chén	quán ăn An Đô p. Thống Nhất	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		
133	Võ Thị Thùy Hằng	1981	271476512	59/8 CMT8 kp2	rửa chén	quán ốc khv vực p. Quyết Thắng	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
134	Trần Thị Huệ	1959	270056280	1/18 kp2	bán nước ngọt	khv vực bến xe ngã 3 vùng tàu	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
135	Lê Thị Nhung	1965	270672331	5/3 kp2	rửa chén	lầu cua kv p. Thống Nhất	01/4/2020	1.300.000	1.000.000		
136	Viêng Thị Vàng	1948	272579010	1/20 kp2	rửa chén	Quán bánh canh kv p. Hiệp Hòa	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
137	Nguyễn Hoàng Nguyễn	1972	270982466	1/21 CMT8 kp2	bốc vác	khv vực p. Quyết Thắng	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
138	Nguyễn Đình Cường	1971	272763366	1/20 kp2	lái 2 bánh chở khách	khv vực chợ Biên Hòa	01/4/2020	1.100.000	1.000.000		
139	Phạm Thị Quà	1955	270364585	12/6 kp2	đẩy xe bán bánh mì	khv vực p. Quyết Thắng	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		
140	Nguyễn Văn Long	2002	276041111	35/11 kp2	rửa chén	quán hủ tiếu kv hẻm 7 kp2	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (BVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (BVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chú
141	Võ Anh Dũng	1969	270783153	59/5A kp2	rửa chén	khu vực hẻm 9 -KP2	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
142	Nguyễn Hữu Thảo Mộc	1977	271390316	1/10/10 kp2	Bán canh bún	khu vực Đình Phước Lư	01/4/2020	1.200.000	1.000.000		
143	Mụ Thị Thanh Hà	1975	271323932	62 HHG-KP2	Phu rửa chén	Quán bún bò 86	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
144	Phan Thị Nghĩa	1959	270018267	24/15/9-KP2	phu rửa chén	Quán ốc cưỡi Thông Nhắt	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
145	Nguyễn Thị Đàm	1956	271310014	1/10/60-KP2	phu rửa chén	Cơ sở bán canh Thanh, Tân Ba	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
146	Ng Thị Thanh Phương	1983	272896046	98 HHG kp2	phu bán cháo Vietcup	100 HHG -KP2	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		
147	Huỳnh Thanh Tân	1967	270695716	41 HHG-KP2	Phu rửa chén	Quán cơm 83 Quyết Thắng	01/4/2020	1.800.000	1.000.000		
148	Phạm Thị Thoa	1982	365293395	59/5A -KP2	Bán bánh bèo thúng	Khu vực hẻm chợ Hàng Dầu	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
149	Nguyễn Phước Hải	1954	272369237	56/9/2A-KP2	Phu rửa chén	Quán bún riêu 75	01/4/2020	1.800.000	1.000.000		
150	Ng Thị Hồng Nhung	1995	272445682	56/8/2A-KP2	phu rửa chén	Quán phở Lylly	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
151	Nguyễn Thị Thuý	1987	272993930	46/7/1 -KP2	Phu rửa chén	Quán Ốc Tèo	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
152	Võ Thị Liễu	1954	270011966	24/55/10-KP2	Phu rửa chén	Quán bún mọc	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
153	Trần Thị Ngọc Thương	1981	272687921	46/26/2-KP2	Phu rửa chén	Quán bún thịt nướng Bà Túy	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
154	NgTrần Phương Thảo	1989	272050284	20/41-KP2	phục vụ	Quán 1893 Thống Nhất	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
155	Trần Hiếu Hạnh	1975	271268642	108/20/3/3 kp3	bán cháo gạo	khu vực P. Quyết Thắng	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
156	Đỗ Thị Kim Chi	1970	270858557	160/31/9/2C kp3	bán nước giải khát dạo	KV Trường Nguyễn Du	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
157	Trà Thị Hồng Hoa	1963	270033373	124/2/7 kp3	Phu quán	KV trường Nguyễn Du	01/4/2020	1.800.000	1.000.000		
158	Trần Ngọc Hương	1980	271336949	160/22/5/15 kp3	Phu rửa chén	Quán Thanh Tuấn	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
159	Lê Trọng Hiếu	1976	271303392	21/3 VTS-KP3	phu rửa ly	Quán nước Tầm An	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chức vụ
160	Lê Thị Bạch Tuyết	1963	270061841	160/49-KP3	Tập vụ	Quán Những người bạn 1	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		
161	Trần Trung Hiếu	1971	270948792	92C/6-KP3	lái 2 bánh chở khách	KV Nhà thờ Biển Hòa	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
162	Nguyễn Thị Hồng Loan	1999	272804286	90/5/20 kp3	đẩy xe bán bánh mì dạo	KV cà phê Thủy Tiên	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
163	Nguyễn Văn Liêm	1953	270018931	124/12/8/3-KP3	đẩy xe bán cháo lòng dạo	Khu vực chợ Hàng Dầu	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
164	Mai Thị Ngọc	1956	270168072	160/22/41-KP3	đẩy xe bán bánh canh dạo	Khu vực bờ kè	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
165	Nguyễn Thị Thương	1973	271059687	21/9A-KP3	Bán xôi mặn dạo	Trường tiểu học Hiệp Hòa	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
166	Nguyễn Thị Kiều Hà	1967	270695589	90/5/18-KP3	Đẩy xe bán hủ tít dạo	Khu vực cà phê Thủy Tiên	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
167	Lâm Thị Liễu	1970	270949067	160/22/5/15B-KP3	Phụ rửa chén	Quán cơm SuSu	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
168	Phạm Phú Thủy Tiên	1973	274208695	18/21/10/30 kp4	Bán xôi cùc dạo	KV Trường Nguyễn Khắc Hiếu	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
169	Phạm Phú Thạch	1967	270710862	18/21/10/30 kp4	Lái 2 bánh chở khách	KV P.Quyết Thắng	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
170	Nguyễn Thị Loan	1958	270012434	36/18 kp4	phụ rửa chén	khu vực hẻm 36	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		
171	Đặng Thị Thanh Thảo	1983	271574250	36/23/12 kp4	Bán xôi dạo	KV chợ lò bô	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
172	Lê Văn Thừa	1981	334838536	36/23/16B-KP4	bán chè bưởi dạo	KV Bà mẹ trẻ em tỉnh	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
173	Lê Thị Hoa	1948	270017948	36/6/2 kp4	đẩy xe bán chè dạo	KV công ty Pouchen	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
174	Nguyễn Trung Nguyễn	1952	2700442113	62/27 kp4	lái xe 2 bánh chở khách	KV trường Trần Hưng Đạo	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
175	Trần Thị Kim Liên	1957	271169102	107/3 kp4	đẩy xe bán sữa đậu nành dạo	khu vực cổng A 42	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		
176	Lê Thị Minh Thu	1976	272716970	36/29A-KP4	đẩy xe bán há cáo dạo	Khu vực Trường Quyết Thắng	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		
177	Bùi Bá Ngọc	1978	363612992	18/28/16-KP4	Đẩy xe bán bánh mì dạo	KV Trường Ng Bình Khiêm	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
178	Lý Hùng Càng	1959	270930772	17c-KP1	Bán đậu phộng dạo	KV các chợ	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (BVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (BVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chú
179	Nguyễn Thị Kim Thanh	1972	271291028	24/15/1-KP2	Phụ bán trái cây	KV Chợ Biên Hòa	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
180	Nguyễn Văn Tài	1997	270711221	160/3/9/13-kp3	Bóc vác củi	Khu vực p Quyết Thắng	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
181	Nguyễn Tuấn Anh	1970	270838580	24/15/1 KP2	Bóc vác củi	KV p Quyết Thắng	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
182	Cao Thị Hồng Tâm	1967	270695652	36/23/12-KP4	phụ bán vịt quay	KV p Quyết Thắng	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		

9. PHƯỜNG HÒA AN

183	Đỗ Hoàng Diệu	01/01/1987	276058043	171/35, KP, An Hòa	Bán nước giải khát	Công trường công ty Pouchen	01/4/2020	0	1.000.000		
184	Lê Kim Phụng	10/3/1972	270972223	4/5, KP, Đồng Nai	Phụ quán	Hu tiêu Lan	01/4/2020	0	1.000.000		

10. PHƯỜNG TÂN TIẾN

185	Nguyễn Thanh Lịch	14/3/1988	215039791	148/38, KP7	Phụ bếp	Thuận An, Bình Dương	1/4/2020	0	1.000.000		
Tổng cộng: 185 người									185.000.000		

Tổng số tiền hỗ trợ: 185.000.000 đồng
(Một trăm tám mươi năm triệu đồng chẵn)



Nguyễn Hòa Hiệp